

Bản án số: 41/2023/DS-PT

Ngày: 13-02-2023

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 02 và ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2023/QĐ-PT, ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1948; cư trú tại: Khu phố 2, thị trấn B, Huyện B1, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1952; cư trú tại: Tổ 4, ấp B2, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà H1, bà H: Bà Đoàn Thị L là đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 08-7-2021); có mặt.

- Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1954; cư trú tại: Tổ 5, ấp C, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Đoàn Văn U, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị R, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 3, ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị R: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Bảo Pháp, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1958; có mặt
- Ông Đoàn Văn M(tự Đ), sinh năm 1964; vắng mặt.
- Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 3, ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Bà Ngô Thị R, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị H, Đoàn Thị H1, Đoàn Thị L trình bày: Cha mẹ các bà là cụ Đoàn Văn H3, sinh năm 1924 chết ngày 28-3-2015 và cụ Trần Thị K, sinh năm 1924 chết năm 1990, không để lại di chúc. Hai cụ chung sống sinh được 08 người con tên Đoàn Thị H; Đoàn Thị H1; Đoàn Thị L; Đoàn Thị X; Đoàn Văn M(Đức); Đoàn Thị G1(chết khi còn nhỏ, không có chồng con); Đoàn Văn T1 và Đoàn Văn U, không có con riêng, con nuôi. Sau khi cụ K chết, cụ H3 vẫn sống cùng ông U, bà R.

Hai cụ khi còn sống được cha mẹ tặng cho một phần đất gò (đất đồng) và đất ruộng, trong đó diện tích đất ruộng khoảng 7.000 m² hai cụ đã chuyển nhượng cho người khác; phần đất gò cụ H3 chia cho Bà Đoàn Thị X, ông Đoàn Văn M và Ông Đoàn Văn T1 mỗi người một phần diện tích để cất nhà sinh sống, diện tích còn lại và căn nhà ông U, bà R sinh sống cùng cụ H3, sau khi cụ H3 chết ông U, bà R sinh sống và quản lý phần đất tranh chấp đến nay. Đất này trước đây được cấp giấy chưa bà không rõ, nhưng sau khi ông U, bà R tranh chấp ly hôn và yêu cầu chia tài sản này các bà mới biết ông U, bà R đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông U, bà R kê khai, đăng ký và được cấp giấy chị em bà không biết. Các bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại phần diện tích 1.177,50 m², tại thửa số 960, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh làm 04 phần cho các bà và ông U mỗi người một phần. Đối với tài sản trên diện tích đất của ai được chia thuộc quyền sở hữu của người đó.

Bị đơn ông Đoàn Văn U trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà H, bà H1, Bà L về quan hệ huyết thống giữa cha mẹ, con và di sản thừa kế. Việc ông và bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà R trực tiếp thực hiện về thủ tục giấy tờ, ông chỉ đến Ủy ban nhân dân xã ký tên; diện tích đất này trước đó cha ông có được cấp giấy chưa ông không biết; đất này vợ chồng ông được cấp giấy khi nào ông không rõ, nhưng sau khi làm đơn yêu cầu ly hôn, thì bà R yêu cầu chia tài sản và cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông mới biết. Ông đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Bị đơn bà Ngô Thị R trình bày: Bà thống nhất với lời trình của các nguyên đơn, ông U về quan hệ huyết thống gia đình bên chồng và tài sản cha mẹ chồng đã phân chia khi còn sống như nguyên đơn trình bày; riêng phần đất tranh chấp do bà

và ông U đứng tên là do cha chồng tặng cho vợ chồng bà cùng lúc với tặng cho đất Bà X, ông Mưa, ông T1; diện tích còn lại cha chồng đã chuyển nhượng cho người khác để lấy tiền sinh sống. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì phần đất tranh chấp cụ H3 đã tặng cho vợ chồng bà trước khi chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đoàn Thị X, ông Đoàn Văn Mưa, Ông Đoàn Văn T1 trình bày: Các ông, bà thống nhất về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp như lời trình bày của các nguyên đơn. Các ông, bà đã được chia tài sản, nên đồng ý giao suất thừa kế của mình cho các nguyên đơn và ông U được nhận, không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 609, 611, 612, 613, 614, 618, 649, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị H1 và bà Đoàn Thị L tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Đoàn Văn U và bà Ngô Thị R.

+ Buộc bà Ngô Thị R và ông Đoàn Văn U có nghĩa vụ giao cho Đoàn Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 147,6 m², trong thửa 960, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 959 dài 4,88 m; Tây giáp đường đất dài 7,14 m; Nam giáp thửa số 1068 dài 24,52 m, Bắc giáp phần đất chia cho Bà L dài 24,84 m. Bà H được sở hữu tất cả cây trồng gắn liền với đất được chia.

+ Buộc bà Ngô Thị R và ông Đoàn Văn U có nghĩa vụ giao cho bà Đoàn Thị L được quyền sử dụng đất diện tích 145,6 m², trong thửa số 960, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 959 dài 5,82 m; Tây giáp đường đất dài 5,8 m; Nam giáp phần đất chia cho bà H dài 24,84 m; Bắc giáp phần đất chia cho bà H1 dài 25,33 m. Bà L được sở hữu tất cả cây trồng gắn liền với đất được chia.

+ Buộc bà Ngô Thị R và ông Đoàn Văn U có nghĩa vụ giao cho bà Đoàn Thị H1 được quyền sử dụng đất diện tích 148,3 m², trong thửa số 960, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 959 dài 5,81 m; Tây giáp đường đất dài 5,8 m; Nam giáp phần đất chia cho Bà L dài 25,33 m; Bắc giáp phần đất chia cho ông U dài 25,8 m. Bà H1 được sở hữu tất cả cây trồng gắn liền với đất được chia.

+ Buộc bà Ngô Thị R có nghĩa vụ giao cho và ông Đoàn Văn U được quyền sử dụng riêng phần đất diện tích 146 m², trong thửa số 960, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 959 dài 5,62 m; Tây giáp đường đất dài 5,6 m; Nam giáp phần đất chia cho bà H1 dài 25,8 m; Bắc giáp phần đất ông U, bà R dài 26,27 m. Ông U được sở hữu tất cả cây trồng

gắn liền với đất được chia.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị H1 và bà Đoàn Thị L tranh chấp về thừa kế tài sản với ông Đoàn Văn U và bà Ngô Thị R đối với phần đất diện tích 590 m², trong thửa số 960, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 959 dài 20,93 m; Tây giáp đường đất dài 21,14 m; Nam giáp phần đất chia cho ông U dài 26,27 m; Bắc giáp đường dài 1,59 m + 7,01 m + 19,53 m.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00334 (CN), ông U, bà R được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10-8-2013 để cấp lại cho các đương sự theo quyết định của Bản án này.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 29-8-2022, bà Ngô Thị R kháng cáo cho rằng diện tích 1.177,5 m² được cha chồng là cụ Đoàn Văn H3 tặng cho vợ chồng bà cùng lúc với tặng cho đất Bà Đoàn Thị X, ông Đoàn Văn Mưa, Ông Đoàn Văn T1 và được chứng thực hợp pháp, do đó diện tích đất 1.177,5 m² là của bà và ông U; bà R yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà R cho rằng, ngày 13-4-2013 cụ H3 tự nguyện tặng cho ông U, bà R phần đất 1.177,5 m² là tài sản hợp pháp của cụ, hợp đồng tặng cho được Ủy ban nhân dân xã H2, huyện G chứng thực, ngày 10-8-2013 ông U, bà R được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông U, bà R được cụ H3 tặng cho đất bà H, bà H1, Bà L đều biết và ông U, bà R quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay không ai tranh chấp. Cho rằng, có căn cứ chia di sản thừa kế cụ K chết để lại thì cũng đã hết thời hiệu khởi kiện, vì cụ K chết năm 1990; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà R, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bà R thống nhất với ý kiến tranh luận của người bảo vệ, không tranh luận bổ sung.

Bà Liệu, bà H1 tranh luận cho rằng, phần đất tranh chấp là tài sản của cha mẹ chết để lại chưa chia cho các con; bà R tự ý làm thủ tục để được cấp giấy các bà không biết, do đó yêu cầu chia diện tích đất 1.177,5 m² cho các bà và ông U theo quy định của pháp luật.

Bà X, ông T1 có mặt, thống nhất với tranh luận của bà H1, bà Liệu; ông, bà không yêu cầu chia thừa kế, vì các ông bà được cha mẹ chia đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Năm 2013, cụ H3 tự ý tặng cho toàn bộ diện tích 1.177,5 m² là

tài sản của vợ chồng cho ông U, bà R khi chưa có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ K là không đúng, do đó hợp đồng tặng cho của cụ H3 đối với ông U, bà R chỉ có hiệu lực của phần tài sản cụ H3; việc cấp sơ thẩm không xem xét kỹ phần cụ H3 được hưởng của cụ K là thiếu sót, nhưng khi giao phần tài sản của cụ H3 tặng cho ông U, bà R đã giao phần đất giáp đường chính có giá trị cao hơn cũng đảm bảo quyền lợi cho ông U, bà R; đối với phần diện tích đất của cụ K là di sản được chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật; trong diện tích đất tranh chấp có 160 m² đất ở, nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm không chia cho các thừa kế được hưởng một phần diện tích đất ở trong tổng diện tích được chia thừa kế là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà R; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị R kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu mở thừa kế: Theo xác nhận ngày 12-11-2020 của Ủy ban nhân dân xã H2, huyện G thì cụ Trần Thị K chết năm 1990, không xác định được ngày, tháng; cụ Đoàn Văn H3 chết ngày 28-3-2015; ngày 22-9-2020 bà Đoàn Thị H, Đoàn Thị H1, Đoàn Thị L làm đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản là bất động sản. Căn cứ Lệnh công bố Pháp lệnh thừa kế của Hội Đồng Nhà nước ngày 10-9-1990; Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản và theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa đối với bất động sản là 30 năm tính từ thời điểm mở thừa kế, nên thời hiệu khởi kiện của các nguyên đơn vẫn còn.

[3] Về nội dung: Phần đất tranh chấp diện tích 1.177,5 m² tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ Đoàn Văn H3 và cụ Trần Thị K; năm 1990 cụ K chết, không để lại di chúc; năm 2011 cụ H3 được cấp giấy toàn bộ diện tích đất của vợ chồng; ngày 13-4-2013 cụ H3 ký hợp đồng tặng cho ông U, bà R diện tích 1.177,5 m², tại thửa số 673, tờ bản đồ số 43 và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-8-2013.

[4] Xét diện tích đất tranh chấp 1.177,5 m² là tài sản chung của cụ H3, cụ K; sau khi cụ K chết, cụ H3 tự ý tặng cho toàn bộ tài sản cả phần di sản của cụ K chết để lại cho ông U, bà R mà không được sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế của cụ K là không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, trong diện tích đất tranh chấp có phần di sản của cụ K chết để lại chưa chia; phần diện tích còn lại là của cụ H3 tự nguyện tặng cho ông U, bà R khi còn sống, nên diện tích này trong tổng số diện tích các nguyên đơn tranh chấp thuộc tài sản chung của ông U, bà R. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ K chết để lại theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[5] Những người thuộc hàng thừa kế của cụ K gồm có 08 người, là cụ H3, bà H, bà H1, bà Liễu, Bà X, ông Mura, ông T1, ông U; diện tích đất 588,75 m² của cụ K trong tổng diện tích 1.177,5 m² được chia làm 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 73,5 m². Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà X, ông Mura, ông T1 không nhận, đồng ý giao suất thừa kế của mình để chia cho bà H, bà H1, Bà L và ông U. Đối với xuất thừa kế của cụ H3 được hưởng và diện tích đất của cụ sẽ là tổng diện tích đất cụ H3 tặng cho ông U, bà R. Tuy nhiên, khi xét xử cấp sơ thẩm không giao xuất thừa kế của cụ H3 mà giao diện tích 590 m² (hơn ½ diện tích đất của cụ H3), một căn nhà tường và sổ công trình phụ xây dựng trên phần đất giáp đường phía trước có giá trị cao hơn cho ông U, bà R cũng đảm bảo được quyền lợi cho ông, bà.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm về chia phần di sản của cụ K, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm các nguyên đơn không kháng cáo, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Thửa đất số 960, tờ bản đồ số 43, diện tích 1.177,5 m², được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-8-2013, trong đó có 160 m² đất ở, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét chia một phần diện tích đất ở cho những người được thừa kế là chưa đảm bảo quyền lợi cho các nguyên đơn, do đó chia cho bà H, bà H1, Bà L và ông U mỗi người được hưởng 20 m² đất ở trong tổng diện tích đất được chia.

[7] Cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án này có những sai sót sau: (1) Phần đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-8-2013, trong đó có 160 m² đất ở, diện tích còn lại 1.017,5 m² là đất trồng cây lâu năm khác; ngày 28-10-2021 Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá chung phần đất tranh chấp có giá thực tế 1.670.000 đồng/m², mà không định giá đất ở, đất cây lâu năm khác có giá thực tế tại địa phương tại thời điểm định giá. (2) Không xem xét chia một phần diện tích đất ở trong tổng diện tích được chia thừa kế cho bà H, bà H1, Bà L và ông U. (3) Cấp sơ thẩm khi xét xử, không xem xét giá trị phần di sản tranh chấp và xác định giá trị mỗi kỷ phần được nhận (để thanh toán phần chênh lệch cho người nhận di sản bằng hiện vật có giá trị thấp hơn, nếu có yêu cầu). (4) Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H3 với ông U, bà R chỉ có hiệu lực phần tài sản của cụ H3, nên giao cho ông U, bà R nhận phần đất ở vị trí nào do Hội đồng xét xử xem xét quyết định; bà R không phải là hàng thừa kế của cụ K, không được chia di sản nhưng cấp sơ thẩm nhận định: “Ông U, Rả có công gìn giữ, quản lý tài sản ...” là không đúng, vì giao diện tích của cụ H3 cho ông U, bà R là trên cơ sở hợp đồng. (5) Trong phần quyết định của bản sơ thẩm, không tuyên sơ đồ đất kèm theo. Những thiếu sót trên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Bà R kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ xem xét. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R, nhưng sửa bản án sơ thẩm về việc chia một phần diện tích đất ở nông thôn trong tổng diện tích đất được chia cho những người được hưởng di sản thừa kế của cụ K là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị R; sửa bản án sơ

thẩm.

[9] Về chi phí định giá tài sản số tiền 2.300.000 đồng, các nguyên đơn đã nộp, chi phí xong và tự nguyện chịu số tiền này, nên ghi nhận.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Ngô Thị R phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 213, 620, 623, 649, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 105, 106 của Luật Đất đai; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị R; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị H1 và Bà Đoàn Thị L. Chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị K chết để lại theo quy định của pháp luật, cụ thể:

2.1. Buộc bà Ngô Thị R và ông Đoàn Văn U giao cho bà Đoàn Thị H quản lý, sử dụng phần đất được chia có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 959, dài 4,88 m; Tây giáp đường đất, dài 7,14 m; Nam giáp thửa đất số 1068, dài 05 m + 19,52 m; Bắc giáp phần đất chia cho Bà Đoàn Thị L, dài 24,84 m, diện tích 147,60 m², trong đó có 20 m² đất ở; 127,60 m² đất trồng cây lâu năm khác, thuộc một phần thửa số 960, tờ bản đồ số 43 và cây trồng trên đất được chia; đất tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ đất kèm theo).

2.2. Buộc bà Ngô Thị R và ông Đoàn Văn U giao cho bà Đoàn Thị L quản lý, sử dụng phần đất được chia có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 959, dài 5,82 m; Tây giáp đường đất, dài 5,80 m; Nam giáp phần đất chia cho bà Đoàn Thị H, dài 24,84 m; Bắc giáp phần đất chia cho bà Đoàn Thị H1, dài 25,33 m, diện tích 145,60 m², trong đó có 20 m² đất ở; 125,60 m² đất trồng cây lâu năm khác, thuộc một phần thửa số 960, tờ bản đồ số 43 và cây trồng trên đất được chia; đất tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ đất kèm theo).

2.3. Buộc bà Ngô Thị R và ông Đoàn Văn U giao cho bà Đoàn Thị H1 quản lý, sử dụng phần đất được chia có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 959, dài 5,81 m; Tây giáp đường đất, dài 5,80 m; Nam giáp phần đất chia cho Bà Đoàn Thị L, dài 25,33 m; Bắc giáp phần đất chia cho ông Đoàn Văn U, dài 25,80 m, diện tích 148,30 m², trong đó có 20 m² đất ở; 128,30 m² đất trồng cây lâu năm khác, thuộc một phần thửa số 960, tờ bản đồ số 43 và cây trồng trên đất được chia; đất tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ đất kèm theo).

2.4. Buộc bà Ngô Thị R giao cho ông Đoàn Văn U quản lý, sử dụng phần đất được chia có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 959, dài 5,62 m; Tây giáp đường đất, dài 5,60 m; Nam giáp phần đất chia cho bà Đoàn Thị H1, dài 25,80 m; Bắc giáp phần đất của ông U và bà Ngô Thị R (được cụ Đoàn Văn H3 tặng cho, diện tích 590 m²), dài 26,27 m, diện tích 146 m², trong đó có 20 m² đất ở; 126 m² đất trồng cây lâu năm khác, thuộc một phần thửa số 960, tờ bản đồ số 43 và cây trồng trên đất được chia; đất tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ đất kèm theo).

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị H, Bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị H1 và ông Đoàn Văn U diện tích đất được chia theo quyết định của bản án này.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị H1, bà Đoàn Thị L về tranh chấp thừa kế tài sản với ông Đoàn Văn U và bà Ngô Thị R đối với phần đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 959, dài 20,93 m; Tây giáp đường đất, dài 23,14 m; Nam giáp phần đất chia cho ông Đoàn Văn U, dài 26,27 m; Bắc giáp đường đất, dài 1,59 m + 7,01 m + 14,53 m + 05 m, diện tích 590 m², thuộc một phần thửa số 960, tờ bản đồ số 43; đất tọa lạc tại ấp C1, xã H2, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ đất kèm theo).

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí định giá số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng); ghi nhận đã nộp và thanh toán xong.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị H1, bà Đoàn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5.2. Ông Đoàn Văn U phải chịu 12.191.000 đồng (mười hai triệu, một trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0024608 ngày 29-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh; bà R nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Trần Quốc Vũ

